

TƯ TƯỞNG KHOAN DUNG TRONG VĂN HÓA CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

ĐINH NGỌC THẠCH*
LÊ THỊ MINH THY**

Khoan dung là một trong những yếu tố phổ biến trong hệ giá trị đạo đức, chính trị của dân tộc Việt Nam, có cội nguồn sâu xa từ lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Triết lý ấy đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng nhân văn của Người.

Thấm nhuần tư tưởng khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước tiếp tục thực hiện chủ trương và chính sách “an dân”, đại đoàn kết dân tộc, dung hòa các mặt đối lập vì mục tiêu lớn, đồng thời tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thêm bạn bớt thù, tiếp thu tinh hoa nhân loại vì sự phát triển bền vững của đất nước. Văn hóa khoan dung trở thành một trong những kích thích tố, động lực của sự nghiệp đổi mới.

Từ khóa: văn hóa chính trị, khoan dung, Hồ Chí Minh, đổi mới, hội nhập quốc tế

Nhận bài ngày: 15/8/2021; đưa vào biên tập: 17/8/2021; phản biện: 27/8/2021; duyệt đăng: 9/9/2021

1. “KHOAN DUNG” TỪ CÁCH TIẾP CẬN CỦA VĂN HÓA CHÍNH TRỊ

Văn hóa chính trị là tổng thể những giá trị của cộng đồng dân tộc hay

cộng đồng chính trị - xã hội nhất định, gắn liền với những quan niệm về lĩnh vực chính trị, các quy luật và nguyên tắc vận hành của nó nhằm hoàn thiện con người. Các giá trị chính trị truyền thống, các chuẩn mực, định hướng và lý tưởng, các học thuyết và chính kiến, mối quan hệ liên kết giữa các tổ chức và lực lượng chính trị... là những

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

** Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại.

thành tố của văn hóa chính trị, tạo nên toàn bộ không gian chính trị rộng lớn, nơi con người thể hiện mình như chủ thể lịch sử, có khả năng nhận thức và xử lý các vấn đề chính trị phù hợp với quy luật khách quan.

Văn hóa chính trị là một phần của văn hóa chung, bao gồm kinh nghiệm lịch sử, ký ức về các sự biến chính trị - xã hội, các giá trị chính trị, định hướng và thói quen tác động trực tiếp đến hành vi chính trị. Văn hóa chính trị còn đóng vai trò hòa giải giữa các tầng lớp xã hội và các đảng phái chính trị trong phạm vi một quốc gia, một cộng đồng dân tộc, đồng thời làm cầu nối chính trị trong quan hệ giữa các quốc gia. Chức năng hòa giải này thể hiện đặc biệt rõ nét trong thời đại hiện nay. Chức năng hòa giải của văn hóa, trong đó có văn hóa chính trị, đã đưa các dân tộc đến gần nhau hơn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Năm 1943, khi đang thực hiện cuốn *Nhật ký trong tù*, Hồ Chí Minh đã bàn về văn hóa, trong đó có đoạn: “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” (Hồ

Chí Minh, 2000, tập 3: 431). Một số nhà nghiên cứu xem đây là một định nghĩa, song chúng tôi cho rằng, những dòng ấy, như Hồ Chí Minh đã viết, chỉ nhằm lột tả “ý nghĩa của văn hóa” mà thôi. Ý nghĩa ấy mang tính định hướng chính trị rất rõ ràng, đúng hơn chính trị đã thấm thấu trong cách hiểu của Người về văn hóa, bởi lẽ ngay sau đoạn trên Hồ Chí Minh nêu ra 5 điểm lớn xây dựng văn hóa dân tộc, mà 4 ý cơ bản đều hướng đến mục tiêu chính trị: tinh thần độc lập tự cường, luân lý biết hy sinh, làm lợi cho quần chúng, vì phúc lợi của nhân dân, nền chính trị dân quyền (Hồ Chí Minh, 2000, tập 3: 431).

Như vậy, khi bàn về văn hóa chính trị, chúng ta có thể phân tích các “lớp” giá trị trong đời sống chính trị, đó là, *thứ nhất*, các yếu tố mang tính biểu tượng dân tộc, quốc gia, gắn với chiều dài phát triển lịch sử, từ truyền thống đến hiện đại; *thứ hai*, các chuẩn mực và lý tưởng chính trị; *thứ ba*, lựa chọn và định hướng giá trị vì sự phát triển; *thứ tư*, trong văn hóa chính trị luôn hàm chứa các quan hệ đa diện, đa chiều, các khía cạnh giai cấp, dân tộc lẫn nhân loại, có sự tác động qua lại và sự chế ước lẫn nhau. Với ý nghĩa thứ tư này, chúng ta hướng đến phạm trù “khoan dung”, với nội hàm khá rộng, bao chứa nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế đến chính trị, đạo đức, văn hóa, tôn giáo... Ở bình diện chính trị, “khoan dung” thể hiện như phần sống động của thang giá trị trong mối quan hệ giữa các nhóm, cộng

đồng, dân tộc, các quốc gia với chế độ chính trị khác nhau.

Thuật ngữ “khoan dung” xuất hiện tương đối sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ở các nước phương Tây thuật ngữ khoan dung (tiếng Latinh: *tolerantia*, tiếng Anh: *tolerance*, tiếng Pháp: *tolérance*, tiếng Đức: *Toleranz*...) được hiểu như sự chấp nhận, nhẫn nại, dung nạp, và cả sự tha thứ. Ở các nước phương Đông yếu tố khoan dung hiện diện từ rất sớm trong các triết thuyết như tư tưởng giải thoát tâm linh tại Ấn Độ cổ đại, “nhân”, “kiềm ái”, “vô vi” tại Trung Quốc cổ đại. Trong *Hán - Việt từ điển* của Đào Duy Anh (1992: 909), “khoan dung” và “bao dung” được sử dụng theo cùng một nghĩa, trong đó “khoan” là rộng rãi, “dung” là tiếp nhận, bao chứa. Trong *Đại từ điển tiếng Việt*, “khoan dung” cũng được giải thích không xa với những ý nghĩa đã nêu trên.

Trong không gian văn hóa Việt, yếu tố chân thực lịch sử đôi khi đan xen với yếu tố huyền sử, nhất là thời kỳ lập quốc. Càng về sau, yếu tố huyền sử càng giảm bớt, một phần do trình độ nhận thức, phần khác do điều kiện kinh tế - xã hội chi phối. Hầu hết những huyền thoại do các thế hệ tạo dựng, từ huyền thoại về Lạc Long Quân và Âu Cơ, Thánh Gióng đến câu chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh, Nỏ Thần và bi kịch My Châu - Trọng Thủy, đều chứa đựng nét văn hóa mà ông cha ta kiên trì trong suốt chiều dài lịch sử – văn hóa khoan dung. Ý nghĩa “khoan dung” của văn hóa Việt, theo chúng

tôi, vượt qua cả thuật ngữ “tolerance” đã dẫn ở trên, bởi lẽ nó còn mang cả ý nghĩa sâu xa của sự cố kết dân tộc qua hình ảnh “đồng bào”, của sự kiên nhẫn, khát vọng hòa hợp, và cả sự ăn năn, tha thứ và bao bọc. Không có thứ văn hóa này, thật khó mà đứng vững trước sự xâm thực của các yếu tố ngoại lai. Triết lý tự chủ tự cường theo tinh thần “Nam quốc sơn hà nam đế cư” gắn kết với quan điểm sống cởi mở qua hiện tượng “tam giáo đồng nguyên” (tam giáo hòa hợp) thời Lý - Trần. Sức mạnh của khoan dung cũng là một trong những biểu hiện của sức mạnh đoàn kết, thống nhất quốc gia, tạo môi trường an lành, yên vui cho mọi thành viên xã hội. Những người mở đường cho nền độc lập dân tộc luôn trung thành với nguyên tắc “chính sự thân dân, cốt khoan dung và giản dị”, để dân an cư lạc nghiệp, giữ yên bờ cõi. Ngược lại, xao nhãng quan điểm ấy đất nước sẽ rơi vào tình trạng chia cắt, bất hòa, dẫn đến những xung đột huynh đệ tương tàn.

Ở khía cạnh ứng xử văn hóa với các nước trong khu vực, nhìn chung văn hóa khoan dung được ông cha ta đặc biệt chú trọng, xem nó như phần quan trọng của chiến lược, hay kế sách giữ yên bờ cõi, thể hiện sự khát khao hòa bình, sống thân thiện với các dân tộc khác. Chẳng hạn, dù đã hình thành một triều đại phong kiến với thế đứng hiên ngang, từng khiến kẻ thù khiếp sợ, vua Lê Đại Hành vẫn chủ trương đường lối đối ngoại mềm dẻo, thậm chí tạm hòa hoãn đối với phương Bắc,

theo kiểu “nép trông Hoàng đế bệ hạ ban cho sắc lệnh vào hạng phiên bang để tỏ ơn rộng lượng của Thánh triều” (Nguyễn Đăng Thục, 1998: 33). Nhà Trần ba lần đại thắng quân Nguyên, nhưng sau mỗi lần đuổi quân xâm lược, vua nước Đại Việt vẫn phải sai sứ sang trần trình tạ lỗi. Tên gọi Đại Việt, bắt đầu từ năm 1054, cho thấy triết lý tự chủ tự cường của ông cha ta. Triết lý đó thôi thúc các thế hệ người Việt sẵn sàng hy sinh vì đất nước. Chẳng phải ngẫu nhiên mà từ thời Lý đến thời Trần triều đình thường xuyên tiến hành lễ minh thệ trước Trống Đồng như biểu tượng thiêng liêng của đất nước ngàn năm văn hiến. Càng yêu nước, người Việt càng mong muốn có môi trường yên vui, thanh bình, đồng thuận trên dưới và giữ mối quan hệ giao hảo với láng giềng, tranh thủ dù nhỏ nhất cơ hội cho hòa bình, ổn định, chấn hưng dân tộc.

Hiện tượng tam giáo hòa hợp Nho - Phật - Lão thời Lý - Trần là phần sống động, nhưng không phải là duy nhất trong biểu hiện văn hóa khoan dung của người Việt. Khí phách dân tộc và đạo lý khoan dung truyền thống được tiếp tục kế thừa, phát huy ở các thời đại sau, mặc dù vào đầu thời Lê đã từng diễn ra khúc quanh đầy bi kịch trong văn hóa. Dưới ảnh hưởng của Nho gia, nhà Lê tỏ thái độ xem thường văn hóa dân gian, cấm trình diễn chèo, múa rối trong cung đình, xúc phạm nhân cách những nghệ sĩ thuộc dòng văn hóa này. May thay, sự việc đã được điều chỉnh phần nào,

nhất là dưới triều Lê Thánh Tông. Nhà Lê, qua hình ảnh vua Lê Thánh Tông, dù còn đề cao ý thức Tống Nho, vẫn cố gắng thoát ra khỏi tinh thần Trung Hoa để đi tới hợp nhất các giá trị căn bản đã được bản địa hóa. Lê Thánh Tông xây dựng *Bộ luật Hồng Đức* xuất phát từ thực tiễn xã hội Việt Nam, từ sự nhận biết bản chất con người Việt Nam, chứ không sao chép máy móc những mô hình có sẵn (Đinh Ngọc Thạch, Trần Quang Thái, 2016: 353-355).

Quá trình tạo dựng bản sắc dân tộc, kết hợp với tiếp thu, tiếp biến các yếu tố bên ngoài để làm phong phú giá trị hiện có đã trở thành tính quy luật không riêng gì đối với Việt Nam, đúng như cố GS. Trần Quốc Vượng (2006: 27) từng nhận định: “Không một nền văn hóa nào dù lớn dù nhỏ mà không có sự vay mượn một số nhân tố của các nền văn hóa khác”.

Trong thời đại ngày nay các quốc gia, các dân tộc đều mong muốn hướng đến tinh thần khoan dung, trong đó có khoan dung văn hóa như một xu thế tất yếu trên con đường hội nhập, cùng phát triển. Khái niệm “khoan dung” từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay được bàn đến không kém gì những vấn đề phổ biến như dân chủ, dân quyền, tự do. Chẳng phải ngẫu nhiên mà Liên Hợp quốc đã từng khởi xướng *Năm quốc tế về khoan dung*. *Tuyên ngôn* của UNESCO ngày 16/11/1995 về *Các nguyên tắc khoan dung* bao gồm 6 điều, trong đó 4 điều đầu tiên đề cập khái niệm khoan dung,

cấp độ nhà nước của khoan dung, khía cạnh xã hội của khoan dung và nền giáo dục khoan dung. Tại điểm 1.1 (Điều 1: Khái niệm khoan dung) có đoạn: “Khoan dung nghĩa là sự tôn trọng, sự tiếp nhận và sự hiểu biết đúng đắn tính đa dạng phong phú của các nền văn hóa trên thế giới, các hình thức tự thể hiện và các phương thức biểu hiện cá thể tính con người. Nó được thúc đẩy bởi tri thức, sự cởi mở giao tiếp và tự do tư tưởng, lương tâm và chính kiến. Khoan dung – đó là sự hài hòa trong tính đa dạng. Đó không chỉ là nghĩa vụ đạo đức, mà còn là nhu cầu chính trị và pháp lý. Khoan dung – đó là phẩm hạnh, cái đảm bảo cho hòa bình và tạo điều kiện thay thế văn hóa chiến tranh bằng *văn hóa hòa bình*”⁽¹⁾. Tại điểm 2.1 (Điều 2: Cấp độ nhà nước của khoan dung) *Tuyên ngôn* nêu rõ: “Ở cấp độ nhà nước khoan dung đòi hỏi nguyên tắc bình đẳng và vô tư, sự tuân thủ trật tự luật pháp và các chuẩn mực pháp lý, hành chính. Khoan dung cũng đòi hỏi dành cho mỗi cá nhân những khả năng phát triển về mặt kinh tế và xã hội mà không có sự phân biệt đối xử nào. Sự tha hóa và biệt lập hóa có thể trở thành nguyên nhân của tình trạng đàn áp, thù địch và chủ nghĩa cuồng tín”⁽²⁾.

Một cách cô đọng, có thể rút ra từ văn kiện cơ bản của UNESCO 5 luận điểm cơ bản của khoan dung, đó là: sự tôn trọng và đánh giá tính đa dạng và phong phú của các nền văn hóa, sự cởi mở, giao tiếp, tự do tư tưởng và

niềm tin; thực hiện “văn hóa hòa bình” thay cho “văn hóa chiến tranh” trên bình diện toàn cầu; thừa nhận các quyền của con người, trước hết là quyền sống, quyền tự do, chống mọi sự áp đặt hệ giá trị của mình lên người khác; hình thành cơ chế khuyến khích cá nhân sáng tạo, bác bỏ chủ nghĩa giáo điều và chuyên chế trong hoạt động của con người; sự cộng hưởng và chấp nhận nhau để các dân tộc cùng chung sống và hướng đến tương lai tốt đẹp (*Tạp chí Người đưa tin*, 1996: 34).

2. VĂN HÓA KHOAN DUNG HỒ CHÍ MINH - GIÁ TRỊ THỜI ĐẠI

Trong cuốn *Bàn về khoan dung trong văn hóa*, với tiêu đề “*Tư tưởng và đạo đức khoan dung Việt Nam - Hồ Chí Minh*”, các tác giả cho rằng, Hồ Chí Minh đã “thực hành và nêu gương sáng về tư tưởng, đạo đức, hành vi ứng xử khoan dung”, “đã kiến lập được mối giao hòa khăng khít giữa lương tâm con người, lương tri dân tộc với lương tri thời đại” (Huỳnh Khái Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn, 1997: 292, 296-297).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy các giá trị trường tồn của dân tộc, trong đó có khoan dung, xem nó như hành trang đi theo Người suốt cuộc đời vì nước vì dân. Trong tư tưởng khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh nổi lên những điểm nhấn cơ bản.

Thứ nhất, văn hóa khoan dung là phần sống động trong hệ giá trị văn hóa chính trị của Hồ Chí Minh, trở

thành tấm gương sáng cho các thế hệ người Việt noi theo. Chất khoan dung ấy của Hồ Chí Minh thể hiện ở các cấp độ, các phương diện và hoàn cảnh, các lĩnh vực khác nhau, góp phần làm nên phong cách Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh đã kết tinh truyền thống dân tộc, nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tinh thần của thời đại.

Một dân tộc thường xuyên phải đối phó với giặc ngoại xâm để giữ vững độc lập dân tộc và tạo thế đứng trong quan hệ với các quốc gia trên thế giới, thì cùng với lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường, trọng nghĩa tình, cần cù, dũng cảm, khoan dung là một trong những yếu tố mang tính bản sắc, có độ dài lịch sử cả ngàn năm. Văn hóa khoan dung là *sự lựa chọn* hợp lý trong bối cảnh địa chính trị đặc thù của đất nước. Với những trải nghiệm bi hùng trong xuyên suốt lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã chọn cho mình thứ triết lý phù hợp, thứ biện chứng cái phổ biến - cái đặc thù hết sức biến hóa, linh hoạt. Một mặt, đó là niềm kiêu hãnh của một dân tộc không bao giờ xa rời lý tưởng độc lập, tự chủ, tự cường. Mặt khác, chúng ta luôn kiên trì đạo lý khoan dung, với hàm nghĩa “chấp nhận và chia sẻ, đối thoại và cùng tồn tại” trong quan hệ với bên ngoài. Đối với cách thức ứng xử trong nội bộ người Việt Nam, tinh thần đó trở nên phổ biến, với đầy ắp sự đồng cảm, rộng lượng, nghĩa hiệp, tha thứ, kể cả sự “kiên nhẫn, chịu đựng” trong giới hạn

cho phép, để “giữ hòa khí” mà không làm tổn hại đến phẩm giá con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với phong cách của một lãnh tụ - hiền triết, đã đưa cái hồn ấy vào quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, vượt qua những thử thách khắc nghiệt nhất, trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc.

Thứ hai, khoan dung gắn với đại đoàn kết, thống nhất các mặt đối lập vì mục tiêu chung của dân tộc. Là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa nhân văn, tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh thể hiện trước hết ở tinh thần đại đoàn kết toàn dân, sự quan tâm đến lợi ích của nhân dân, “khoan thư sức dân” vì môi trường ổn định và đồng thuận, vì sự nghiệp cách mạng lâu dài. Khi câu hỏi “tôi nói, đồng bào có nghe rõ không?” vang lên giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử vào ngày 2/9/1945, thì triệu người Việt đều cảm nhận sự dung dị đầy thiêng liêng của một lối ứng xử văn hóa đậm chất Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tìm cách tập hợp các lực lượng yêu nước, lấy tấm gương xưa về sự đoàn kết để làm nền tảng cho những quyết sách chính trị lâu dài, từ truyền thống con Rồng cháu Tiên đến sự kỳ vọng vào năng lực chiến đấu của đảng cầm quyền, biết tự chỉnh đốn để trưởng thành, như trong *Di chúc* đã viết: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con người

của mắt mình” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 12: 497).

Trong các bức thư gửi đồng bào theo đạo nhân các ngày lễ tôn giáo lớn, trong đó có đồng bào theo Phật giáo, Công giáo, đạo Cao Đài, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yếu tố đoàn kết và hòa giải, tình thương và khoan dung. Chẳng hạn, Người vận dụng tinh thần khoan dung của Chúa Jesus để kêu gọi đồng bào Công giáo cùng với đồng bào lương đấu tranh giữ gìn hòa bình như bài hát “Sáng danh Thiên Chúa trên các tầng trời, hòa bình cho mọi người lành dưới thế”, và phối hợp “để sửa chữa những sai lầm”, như thế là đã làm theo lời phán của Chúa: “Hỡi anh em, khi có ai mắc sai lầm, anh em hãy dịu dàng giúp anh em ấy sửa chữa” (dẫn theo Hồ Chí Minh, 2000, tập 8: 285-286).

Thương dân, Hồ Chí Minh chủ trương “khoan thư sức dân”, hiểu được tâm lý của dân để có những quyết sách hợp lòng dân. Cho đến những ngày tháng cuối cùng Người vẫn nghĩ đến lợi ích của dân. Người mong muốn, sau khi kết thúc chiến tranh, “miễn thuế nông nghiệp 1 năm ... để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, thêm niềm phấn khởi...” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 12: 504).

Thứ ba, văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh là văn hóa của hòa bình, của tinh thần đoàn kết, hữu nghị trong quan hệ với các dân tộc, các quốc gia trên thế giới. Sự đánh thức lương tri nhân loại được thể hiện ngay từ khi Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) đang còn bôn ba hải ngoại. Trong bài *Yếu*

sách của nhân dân An Nam Nguyễn Ái Quốc viết: “... nhân dân An Nam biết rằng nhân dân Pháp đại biểu cho tự do và công lý, và không bao giờ từ bỏ lý tưởng cao cả của mình là tình bác ái toàn thế giới” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 436).

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh nêu gương sáng về tinh thần thu hẹp cách biệt, hướng đến mục tiêu thống nhất, như lời phát biểu của Người trong *Diễn văn khai mạc Đại hội Đảng lần thứ III* (5/9/1960): “Quan san muôn dặm một nhà; bốn phương vô sản đều là anh em” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 10: 495). Người tỏ ra đau lòng trước tình trạng bất hòa trong phong trào cộng sản và công nhân, và bày tỏ sự mạng hòa giải của Đảng ta, lấy sự công tâm, tha thiết vì lý tưởng làm điều kiện cho sự liên kết sức mạnh của những người cộng sản trên toàn thế giới, qua đó hướng đến mục tiêu lớn, tạm đặt sang bên những bất đồng. Người viết trong *Di chúc*: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 15: 623).

Thứ tư, tính mở trong việc tiếp thu các giá trị văn hóa của nhân loại. Hồ Chí Minh sử dụng ý tưởng và văn phong Nho gia để chuyển tải nhiều nội dung của chủ nghĩa Mác, quan điểm, đường lối của Đảng, đạo đức cách mạng. Người sử dụng văn phong Nho

gia, nhất là tư tưởng của Khổng Tử để nói đến hàng loạt vấn đề về đạo đức cách mạng, sức mạnh của khoan dung trong ứng xử, tinh thần vị tha, không phân biệt đối xử, tinh thần quốc tế vô sản, và nhiều nội dung khác. Người đánh giá các học thuyết ngoài mácxít không chỉ từ lập trường của một nhà tư tưởng mácxít, mà còn từ cách tiếp cận văn hóa chính trị. Chẳng hạn, Bertrand Russell và Jean Paul Sartre là những đại diện tiêu biểu của triết học phương Tây ngoài mácxít thế kỷ XX, song họ lại là những nhà hoạt động xã hội kiệt xuất, những biểu tượng của “văn hóa hòa bình” (cách diễn đạt của Liên Hợp quốc khi định nghĩa về khoan dung), những người đồng sáng lập Tòa án Quốc tế, xét xử tội ác chiến tranh xâm lược, kêu gọi văn hóa hòa bình ở Việt Nam. Chính vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trân trọng viết thư cảm ơn họ, tri ân những đóng góp của họ cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam (Hồ Chí Minh, 2011, tập 15: 200, 338-339).

Đó là những minh chứng của phong cách tư duy trong văn hóa khoan dung, phần sống động của văn hóa chính trị Hồ Chí Minh.

3. VĂN HÓA KHOAN DUNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH – YẾU TỐ ĐỘNG LỰC CỦA QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh tiếp tục đóng vai trò là nguồn cổ vũ lớn lao, là một trong những yếu tố động lực đối với quá trình đổi mới đất nước. Hệ

giá trị ấy thể hiện ở tư tưởng khoan thư sức dân và tin dân, đại đoàn kết, thêm bạn bớt thù, dung hòa các mặt đối lập vì mục tiêu lớn của dân tộc, rộng lượng và tha thứ, hòa giải và kiên trì trong giáo hóa cá nhân, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trên tinh thần cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng quyền tự quyết của mỗi dân tộc và cộng hưởng lợi ích.

Yếu tố động lực trước tiên, xuất phát từ việc nhận thức và vận dụng tư tưởng khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước hết là “khoan thư sức dân”, an dân và “tin dân, để dân tin”, và đồng thời biết “rộng lượng và tha thứ”, thu hút các nguồn lực cho sự phát triển, giải quyết các mâu thuẫn, xung đột trong xã hội. Chỗ dựa vững chắc của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, vì sự lành mạnh hóa môi trường xã hội hiện nay, là các tổ chức đoàn thể xã hội của nhân dân, một thành tố của hệ thống chính trị, là lòng dân và sức dân.

Vận dụng tư tưởng khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong *quan điểm phát triển* trước hết là xóa bỏ những rào cản không đáng có, đề cao sự bình đẳng, không phân biệt đối xử trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị. Người dân chỉ tin vào Đảng, vào Nhà nước một khi được trao cho cơ hội ngang nhau để phát triển, loại bỏ những vùng cấm, nhưng điềm nghẽn bởi “chủ nghĩa lý lịch” và “thành phần giai cấp”, hoặc phân biệt đối xử, nạn cửa quyền, tham nhũng và “lợi ích nhóm”.

Vận dụng tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh trong chính sách ngoại giao, trong quá trình hội nhập là xóa bỏ những định kiến lịch sử, lấy lợi ích dân tộc làm mục tiêu cơ bản trong quan hệ song phương, đa phương, nghĩa là lựa chọn và định hướng phát triển một cách biện chứng. Ngay từ khi đất nước vừa giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng, linh hoạt, để tranh thủ cơ hội cho sự phát triển hòa bình. Cách ứng xử thấm đượm tinh thần văn hóa khoan dung với những cường quốc, từng một thời gieo rắc đau thương cho dân tộc ta, như Nhật Bản, Pháp cho thấy cái tâm và cái tầm của một nhà văn hóa lớn. Ngay cả với Mỹ, giữa khói lửa chiến tranh, Người cũng tìm cách tăng cường đối thoại hòa bình, và xem đó là sự đáp ứng lợi ích của hai quốc gia, hai dân tộc.

Ngày nay, từng bước một, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hiện thực hóa văn hóa khoan dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh với phương châm đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ, nắm vững và thực hiện biện chứng cái phổ biến và cái đặc thù, đồng thời phê phán cả “tha hóa” lẫn “cố chấp” bản sắc, vọng ngoại lẫn bảo thủ chính trị. Chúng ta chủ trương huy động mọi nguồn lực, gạt bỏ quá khứ, hướng đến tương lai. Những người Việt một thời làm lỗi, chống dân tộc, nay đã trở về phục vụ đất nước, với niềm tin về chính sách đại đoàn kết, hòa giải và hòa hợp dân tộc của Đảng, Nhà nước.

Với tinh thần chủ động và tích cực hội nhập, chúng ta đã đưa ra nhiều sáng kiến chiến lược, được quốc tế đánh giá cao. Những sáng kiến chính trị đó cũng thể hiện trách nhiệm của chúng ta đối với quá trình hòa bình, hợp tác, cùng phát triển giữa các dân tộc.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh việc tiếp thu, tiếp biến các giá trị bên ngoài, đồng thời quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế”, “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa đường lối đối ngoại.” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 147, 161).

Đối với dân tộc ta văn hóa khoan dung không tách rời chủ nghĩa yêu nước. Càng yêu nước, càng hy sinh vì nền độc lập, chúng ta càng thiết tha với hòa bình, càng yêu thương con người, càng ý thức sâu sắc về sự đoàn kết, tương thân tương ái, chia sẻ, nghĩa tình, và càng không nhượng bộ với kẻ thù, không bao giờ chấp nhận những thế lực gây bất ổn định, làm tổn hại đến vị thế của đất nước. Vì lẽ đó suốt 52 năm qua, thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta phấn đấu không ngừng để biến mong muốn cuối cùng của Người thành hiện thực, đồng thời ra sức bảo vệ thành quả đã đạt được, đấu tranh chống các quan điểm sai trái. *Khoan dung nhưng không khoan nhượng*,

hòa hợp và đối thoại nhưng không chấp nhận mọi âm mưu lợi dụng đường lối đổi mới để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đi ngược lợi ích dân tộc – đó là nguyên tắc bất di bất dịch trong thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên, để sự nghiệp đổi mới tiếp tục được tiếp thêm nguồn sinh lực mới, chúng ta cần vận dụng sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại, loại dần những định kiến, những rào cản ý thức hệ, tự tin tham gia vào đời sống chính trị toàn cầu theo tinh thần “nhẫn nại” và “cùng tồn tại” như ý nghĩa của khái niệm khoan dung (tolerance) mà Liên Hợp quốc đã nêu ra vào năm Quốc tế về Khoan dung cách đây hơn 26 năm.

Quá trình hội nhập, toàn cầu hóa tác động đa chiều lên các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm thay đổi nhận thức của con người, trong đó có sự thay đổi quan điểm về giá trị. Thang giá trị không phải là cái thước đo bất biến, mà cũng cần được thẩm định, làm mới. Chúng tôi cho rằng trong điều kiện hội nhập, toàn cầu hóa, “khoan dung” cần được chú trọng trong việc đánh giá các hiện tượng phong phú, đa dạng của cuộc sống, bởi lẽ “sự va chạm các làn sóng” là một hiện tượng phổ biến, khó tránh khỏi. Ngay cả các quan điểm chưa thực sự phù hợp với chuẩn mực xã hội truyền thống cũng cần được xem xét trên quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, tránh thái độ chụp mũ, áp đặt, hình sự hóa một cách máy móc những biểu hiện bị coi

là lệch lạc. Hướng dẫn dư luận, hình thành cơ chế phản biện xã hội một cách tích cực, chú trọng yếu tố hòa giải văn hóa và khuyến khích cái độc đáo, sáng tạo của cá nhân là điều kiện cần thiết cho quá trình vừa bảo vệ các giá trị truyền thống, vừa tiếp nhận tích cực những nhân tố mới làm giàu cho truyền thống, đồng thời giới thiệu diện mạo văn hóa dân tộc ra thế giới. Trong điều kiện hội nhập, tính thích ứng cao và khả năng xử lý tình huống cần được đặt ra đối với công tác quản lý văn hóa, để những biểu hiện “xé rào”, “phá cách” được phân tích và đánh giá khách quan và nhân văn.

Để sự nghiệp đổi mới tiếp tục mở ra khả năng cho sự phát triển và ổn định cần chú trọng hơn nữa nhân tố con người. Chúng ta đã có hẳn “chiến lược con người”, thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội phục vụ cộng đồng, được các tầng lớp nhân dân ủng hộ, chia sẻ. Chính sách quan tâm đến người nghèo trong suốt mấy thập kỷ qua đã đơm hoa kết trái, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên tính tích cực chính trị của con người Việt Nam, vì những nguyên nhân khác nhau, đang bị đặt thành vấn đề. Thực tế cho thấy, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập, ý chí tự cường của nhân dân ta đã trở thành máu thịt, thành lẽ sống từ ngàn xưa đến hôm nay. Song, làm sao để những giá trị thiêng liêng ấy tiếp tục góp lửa cho sự nghiệp đổi mới, lại cần đến hàng loạt chính sách đôn bẩy, nhằm nâng cao hơn nữa khả

năng sáng tạo của con người, sự tự do và đột phá, hiến kế cho Đảng, Nhà nước trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu lớn của dân tộc. Làm sao để sự chuẩn hóa tư tưởng không đi đến mâu thuẫn với quyền tự do của công dân, quyền tự do của công dân không đi đến mâu thuẫn với các chuẩn mực, giá trị và lý tưởng chung.

Cuối cùng, chúng tôi cho rằng, cần tiếp tục vận dụng tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh vào quá trình đổi mới tư duy, vượt qua lối mòn, khuyến khích cái độc đáo, sáng tạo, mạnh dạn từ bỏ những gì lỗi thời, không còn phù hợp với nhu cầu phát triển đất nước trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. C. Mác (Karl Marx) từng viết trong *Ngày 18 tháng Sương mù của Lui Bônápác-tô*: “Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2005: 145). Thái độ có văn hóa đối với truyền thống đòi hỏi thực hiện sự “lọc bỏ” biện chứng các yếu tố truyền thống để tiếp cận một cách thành công những vấn đề mới của thời đại mà không làm mất đi nguồn cội. Cho nên sự thích ứng, tính kiên định và tính mở (khả năng nhạy bén nắm bắt cái mới, không chỉ thích nghi, mà còn phát triển sáng tạo) trong suy nghĩ và hành động, trong định hướng chiến lược và giải pháp là đòi hỏi quan trọng đối với chúng ta trong việc giữ lấy hồn

Việt trước thách thức của cơn sóng triều toàn cầu hóa và quá trình hội nhập.

4. THAY LỜI KẾT

Trong thời đại ngày nay, văn hóa hàm nghĩa “nhu cầu mở mang tầm nhận thức của mỗi dân tộc vượt qua sự tự quan tâm của chính mình để đến với giới hạn tự do của những dân tộc khác” (McLean, Phạm Minh Hạc, 2007: 329). Cách tiếp cận như thế là minh chứng về một thế giới mở, thế giới của sự cộng hưởng giá trị trong quan hệ giữa các dân tộc. Chủ động và tích cực hội nhập, tự tin vươn ra biển lớn văn hóa - văn minh nhân loại, tham gia có trách nhiệm vào sinh hoạt quốc tế, đó là thông điệp của thời đại mới, được tiếp lửa bởi truyền thống dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó nổi bật tư tưởng khoan dung như một phần không tách rời của văn hóa chính trị Hồ Chí Minh.

Thấm nhuần tư tưởng khoan dung Hồ Chí Minh, chúng ta cảm nhận ở đó một trong những yếu tố động lực của quá trình đổi mới đất nước, mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục làm sâu sắc thêm, với những đột phá mới, mở ra triển vọng phát triển nhanh và bền vững, hoàn thiện hơn nữa nhà nước pháp quyền “của dân, do dân, vì dân”, như Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh từ rất sớm: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 438).

Lẽ đương nhiên, không tồn tại một thứ “chất”, hay bản sắc Việt Nam “thuần túy”, độc nhất vô nhị, bởi lẽ bản sắc,

nghĩa là yếu tố được chất lọc, được rút ra qua kinh nghiệm lịch sử để làm nên đặc trưng của một dân tộc hay một địa phương không phải là cái ngưng đọng, khép kín, mà luôn luôn chịu sự thẩm định khắt khe của thực tiễn, được “làm mới” cho phù hợp với yêu cầu của thời đại, nhưng vẫn giữ được hạt nhân cơ bản. Điều đáng lo ngại về sự đánh mất “nguyên chất” không chỉ bởi sự mất gốc, sự lai căng, mà cả sự bảo thủ và cố chấp, không biết tiếp thu và tiếp biến những yếu tố tác động từ bên ngoài để không

ngừng làm cho cái “nguyên chất” luôn luôn xứng đáng là yếu tố nội sinh tích cực trong suy nghĩ và hành động. Quá trình tự tạo dựng và quảng bá các giá trị Việt Nam, kết hợp với tiếp thu, tiếp biến các yếu tố bên ngoài để làm phong phú giá trị hiện có đã trở thành tính quy luật không riêng gì đối với Việt Nam. Sự vay mượn từ bên ngoài có thể làm lệch phần nào yếu tố “nguyên mẫu”, song đó lại là biện chứng của sự tích hợp và tiếp biến giá trị. □

CHÚ THÍCH

(1), (2) http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13175&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html, 16 November 1995.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Đào Phan. 1996. *Đạo Khổng trong văn Bác Hồ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
3. Đinh Ngọc Thạch, Trần Quang Thái. 2016. *Giáo trình Lịch sử các học thuyết chính trị*. TP HCM: Nxb. Tổng hợp TP HCM.
4. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập* – Tập 1, 8, 10, 12. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập* – Tập 15. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Huỳnh Khải Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn. 1997. *Bàn về khoan dung trong văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. C. Mác và Ph. Ăngghen. 2005. *Toàn tập* – Tập 8. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Nguyễn Đăng Thục. 1998. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* – Tập 2. TP HCM: Nxb. TP HCM.
9. Trần Quốc Vượng. 2006. *Thăng Long Hà Nội tìm tòi và suy ngẫm*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa.
10. UNESCO. 1996. *Tạp chí “Người đưa tin”*, tháng 3/1996, bản tiếng Việt.
11. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Con người. 2007. *Con người, dân tộc và các nền văn hóa: Chung sống trong thời đại toàn cầu hóa*. George F. McLean, Phạm Minh Hạc (chủ biên). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.